

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/ 02/ 2023
V/v: " Ly hôn-Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
ÑO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
2. Ông Nông Trung Kiên

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký -
Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 26/02/2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXX-ST ngày 08/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 17/02/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Tòng Thị D - Sinh năm 1985.
Nơi đăng ký thường trú: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.(có mặt).
2. **Bị đơn:** Anh Lường Văn S - Sinh năm 1979
Nơi đăng ký thường trú: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/11/2022 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Tòng Thị D (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lường Văn S tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ ngày 14/7/2009. Kết hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống thường xảy ra cãi vã đến năm 2019 tôi phát hiện anh S có sử dụng chất ma túy và bị nghiện chất ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh S từ bỏ ma túy, nhưng anh S không nghe vẫn bị nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xảy ra cãi vã xô sát. Anh S còn đánh đập, hành hạ tôi làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc phát triển của con tôi. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng. Tôi và anh S đã ly thân từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh S

2. Về con chung: Chị D khai vợ chồng có 01 con chung là: Lường Văn D, sinh ngày 06/9/2009. Sau khi ly hôn chị D xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng.

Chị khai có 01 con riêng cháu Tòng Thị G, sinh ngày 18/10/2007 cháu đang ở với chị. Quan điểm con riêng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/11/2022, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị D cho anh S biết. Tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho anh S, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh S không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án cho anh S. Nhưng anh S vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 08/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lường Văn S đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay chị Tòng Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng chị không yêu cầu Tòa giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175; 177/ BLTTDS, việc anh S không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh S đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị D và anh Lương Văn S tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị D và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã N xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau thường xảy ra cãi vã đánh đập bạo hành nhau, anh S có sử dụng chất ma túy bị nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi làm thuê không đem tiền về cho vợ con mà chỉ lo cho bản thân dẫn đến mất lòng tin với nhau. Hai gia đình và tổ hòa giải thôn bản đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị D đã khuyên bảo anh S từ bỏ ma túy nhưng anh S không nghe dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Bản thân chị D xét thấy tình cảm không còn cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị D và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân hai năm nay như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị D cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Diễn xử cho ly hôn giữa chị Tòng Thị D và anh Lương Văn S.

[3] Về con riêng: Chị D có 01 con riêng cháu Tòng Thị G, sinh ngày 18/10/2007. Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về con riêng.

-Về con chung: Chị D và anh Sa có 01 con chung: Lương Văn D sinh ngày 06/9/2009. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và xét theo nguyện vọng cháu D muốn sống cùng mẹ. Xét thấy hiện tại chị D mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Theo xác nhận của UBND xã N, anh S bị nghiện chất ma túy, anh S thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị Diễn. Giao con cho chị Diễn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh S có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị D.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị D thuộc hộ nghèo của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 19; Điều 81, 82, 83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Tòng Thị D được ly hôn với anh Lương Văn S.
2. Về con riêng: Chị D có 01 con riêng cháu Tòng Thị G sinh ngày 18/10/2007. Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về con riêng.

- Về con chung: Chị Tòng Thị D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là: Lương Văn D, sinh ngày 06/9/2009 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị D.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của chị Tòng Thị D.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Tòng Thị D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên